BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN

KHUYẾN NGHỊ
CHÍNH SÁCH ỨNG PHÓ VỚI DỊCH COVID-19

KHUYẾN NGHỊ CHÍNH SÁCH ỨNG PHÓ VỚI DỊCH COVID-19

Dịch COVID-19 hiện nay đang đặt ra những thách thức chưa từng có tiền lệ và những khó khăn vô cùng to lớn đối với toàn bộ nền kinh tế. Với vị thế là trung tâm tư vấn chiến lược và chính sách kinh tế xã hội hàng đầu, Trường Đại học Kinh tế Quốc dân đã tập hợp những nhà khoa học xuất sắc của mình để đánh giá và đưa ra các kịch bản tác động của dịch COVID-19 đối với nền kinh tế. Từ đó, đưa ra những kiến nghị, chính sách nhằm khắc phục những tác động tiêu cực cũng như chuẩn bị cho sự phục hồi của nền kinh tế sau khi vượt qua dịch bệnh. Với mong muốn đó, Trường Đại học Kinh tế Quốc dân có các kiến nghị chính sách ứng phó với dịch COVID-19 gửi đến Chính phủ, các cơ quan Bộ Ban Ngành trung ương.

1. QUAN ĐIỂM VÀ ĐỊNH HƯỚNG CHÍNH SÁCH

1.1. Quan điểm

Thứ nhất, kinh tế Việt Nam đang đứng trước một đợt suy giảm lớn xuất phát từ một nguyên nhân phi kinh tế. Trong bối cảnh này, các chính sách điều hành vĩ mô có ảnh hưởng quan trọng tới sức đề kháng (khả năng chịu đựng) của nền kinh tế, giảm thiểu các tác động tiêu cực của dịch bệnh. Đặc biệt, chúng sẽ quyết định nền kinh tế có khả năng phục hồi nhanh chóng hay không một khi bệnh dịch được kiểm soát.

Thứ hai, tác động của dịch bệnh tới các ngành kinh tế có sự khác biệt rất lớn. Một số ngành chịu ảnh hưởng nặng nề, các doanh nghiệp có khả năng phá sản hàng loạt (hàng không, du lịch, dịch vụ). Một số ngành vẫn có cơ hội phát triển tốt (nông sản, thực phẩm, dược phẩm, …). Do vậy, cần có sự lựa chọn hợp lý các chính sách cũng như đối tượng hỗ trợ.

Thứ ba, việc kích thích tổng cầu trong bối cảnh hiện nay hầu như không có tác dụng trong ngắn hạn bởi sức mua ở những ngành chịu ảnh hưởng trực tiếp sẽ không thể tăng một khi bệnh dịch chưa được kiểm soát.

Thứ tư, tính chất của đại dịch COVID-19 lần này cho thấy việc dự báo tác động của nó đến nền kinh tế Việt Nam diễn ra trong thời gian bao lâu là rất khó. Mức độ kết nối rất lớn của Việt Nam với chuỗi giá trị toàn cầu và các biện pháp cách ly xã hội do các nước áp dụng dẫn đến việc đại dịch nếu được kiểm soát ở Việt Nam cũng không thể làm cho nền kinh tế phục hồi ngay nếu nó vẫn tiếp diễn ở các quốc gia khác. Điều này đòi hỏi phải xây dựng nhiều kịch bản

chính sách kinh tế khác nhau từ ngắn đến dài hạn nhằm ứng phó với tình hình dịch ở cả Việt Nam và ở các quốc gia khác trên thế giới.

1.2. Định hướng chính sách

Chúng tôi cho rằng việc ban hành các chính sách trong bối cảnh này cần đảm bảo các định hướng sau:

+ Ưu tiên chính sách nên hướng vào việc đảm bảo an ninh lương thực và phòng chống sự lây lan của bệnh dịch.

+ Các chính sách nhằm vào việc cải thiện khả năng thanh khoản, kéo dài khả năng chống đỡ của doanh nghiệp và đảm bảo an sinh xã hội. Đặc biệt quan tâm đến những khu vực dễ bị tổn thương như người lao động, các DNNVV trong ngắn hạn (đặc biệt tại những ngành chịu ảnh hưởng nặng nề nhất) nhưng đồng thời cũng cần tránh sự đổ vỡ của các doanh nghiệp lớn, đầu tầu để từ đó lan sang các khu vực khác.

+ Các chính sách kích thích tổng cầu chủ yếu thông qua tăng đầu tư của nhà nước vào cơ sở hạ tầng. Tránh việc lạm dụng chính sách tiền tệ gây ra các bất ổn kinh tế vĩ mô trong dài hạn.

+ Hình thành rõ các gói chính sách hỗ trợ trong ngắn hạn và các gói chính sách giải cứu nền kinh tế trong dài hạn.

Các định hướng này có thể cụ thể hóa như sau:

(1) Trong mọi trường hợp Việt Nam cần phải đảm an ninh lương thực, thực phẩm và các hàng hóa thiết yếu cho người dân. Mặc dù đây là những ngành ít chịu ảnh hưởng nhất nhưng các doanh nghiệp cung ứng các hàng hóa này cần phải được giám sát chặt chẽ và có biện pháp hỗ trợ cần thiết nếu cần để tránh không xảy ra đứt gãy trong sản xuất và cung ứng. Đây cần được coi là giải pháp cấp bách tại thời điểm này.

Bên cạnh đó, việc gia tăng sản xuất và cung ứng các thiết bị y tế như khẩu trang, máy trợ thở, thuốc men hay giường bệnh cũng cần được ưu tiên trong công tác phòng chống dịch bệnh.

(2) Việt Nam cần chủ động xây dựng các kịch bản chính sách kinh tế ứng phó khác nhau tùy theo thời gian kéo dài và mức độ nghiêm trọng của bệnh dịch. Các giải pháp chính sách đưa ra cần tính đến độ trễ trong quá trình ban hành và triển khai để đảm bảo tính kịp thời và hiệu quả.

Nếu bệnh dịch trong nước có thể kiểm soát ngay trong tháng 4 hoặc cùng lắm đến hết quý 2 thì phản ứng chính sách nên mang tính "hỗ trợ".

Những chính sách hỗ trợ:

+ Đối với những người lao động mất việc kéo dài, có thể tạm thời kéo dài thời gian hưởng bảo hiểm thất nghiệp. Các hộ gia đình mất thu nhập lâu dài không có khả năng thích ứng cần được trợ cấp đủ để duy trì cuộc sống tối thiểu. Cần đặc biệt quan tâm đến đối tượng lao động tự do không thuộc diện bao phủ của bảo hiểm.

+ Đối với doanh nghiệp trực tiếp chịu ảnh hưởng: i) Tiền tệ: nới lỏng các điều kiện tín dụng, hoãn chi trả nợ, miễn lãi, giảm lãi, cho phép tái cơ cấu lại nợ để cải thiện tính thanh khoản và khả năng chịu đựng của doanh nghiệp cho tới khi qua được khó khăn; ii) Tài khóa: hoãn thuế phí, miễn giảm thuế phí, hoãn hoặc miễn đóng BHXH, v.v. Giai đoạn này nên ưu tiên các DNNVV bởi khả năng chống chịu kém của loại hình DN này.

+ Có những hỗ trợ pháp lý trong tranh chấp đối với hợp đồng lao động giữa doanh nghiệp và người lao động. Tranh chấp hợp đồng giữa các doanh nghiệp trong nước với các doanh nghiệp đối tác trong xuất nhập khẩu hàng hóa.

Nếu bệnh dịch kéo dài hơn (đến quý 3 hoặc hết năm 2020), Chính phủ cần tính tới các biện pháp thiệp mạnh mẽ hơn mang tính "giải cứu".

Những chính sách giải cứu:

+ Tập trung không chỉ vào khả năng thanh khoản mà còn là khả năng thanh toán (tồn tại hay phá sản) của các doanh nghiệp. Ngân hàng Nhà nước cần sẵn sàng bơm thêm thanh khoản cho hệ thống ngân hàng. Lãi suất có thể cắt giảm thêm 1 – 2 điểm phần trăm.

+ Khi các chính sách tiền tệ hay tài khóa truyền thống không đủ hỗ trợ khả năng thanh toán của doanh nghiệp thì cần có các can thiệp tài khóa trực tiếp từ chính phủ như mua lại nợ, tăng sở hữu vốn nhà nước… ở một số lĩnh vực đặc biệt quan trọng. Cần tránh tối đa sự đổ vỡ của các tập đoàn lớn.

+ Cầu chi tiêu từ khu vực doanh nghiệp và người dân giảm mạnh, Nhà nước cần đóng vai trò là đối tượng chi tiêu chính. Do vậy, đầu tư công đóng vai trò quan trọng hơn bao giờ hết. Đầu tư công phải đúng mục đích, tập trung vào lĩnh vực cơ sở hạ tầng đã được phê duyệt và cần đúng thời điểm mà nền kinh tế cần. Cần có sự giám sát chặt chẽ của Quốc hội để tránh xảy ra những hệ lụy tiêu cực.

+ Bất kể bệnh dịch kéo dài bao lâu, nhiều doanh nghiệp có thể sẽ phá sản, Việt Nam cần đảm bảo sự ổn định kinh tế vĩ mô. Cần giữ lạm phát và lãi suất ở mức thấp, tỷ giá ổn định, đầu tư công được thực hiện đúng mục đích và giám sát tốt, môi trường đầu tư được cải thiện, thì sau bệnh dịch, nền kinh tế sẽ hồi phục nhanh chóng. Ngược lại sẽ mất nhiều năm tiếp theo để giải

quyết các vấn đề không phải bệnh dịch, nền kinh tế sẽ đình trệ trong thời gian dài như giai đoạn hậu khủng hoảng 2007 – 2008.

2. KIẾN NGHỊ MỘT SỐ GIẢI PHÁP CỤ THỂ

2.1. Nhóm giải pháp của Ngân hàng Nhà nước và các Tổ chức tín dụng

Giải pháp 1. NHNN Trợ giúp trực tiếp về thanh khoản cho những ngân hàng có hỗ trợ thiết thực và cụ thể đối với doanh nghiệp gặp khó khăn, thông qua đó trợ giúp thanh khoản cho hệ thống doanh nghiệp, đặc biệt là DNNVV bị ảnh hưởng bởi đại dịch

Xem xét tiếp tục hạ lãi suất điều hành thêm từ 0,1 - 0,2% trong 1-2 tháng tới, hoặc xem xét tăng chỉ tiêu tăng trưởng tín dụng, nhưng chỉ áp dụng cho những ngân hàng có những hỗ trợ thiết thực đối với các doanh nghiệp. Nên ưu tiên tiếp tục thực hiện những cải cách mang tính cấu trúc nhằm hướng tới một hệ thống tiền tệ lành mạnh hơn trong tương lai, chứ không áp dụng dàn trải cho mọi tổ chức tín dụng. Những "hỗ trợ" về lãi suất, nếu có, chỉ nên giới hạn ở những doanh nghiệp trực tiếp chịu tác động của bệnh dịch theo hướng "giảm lãi" hay "chia sẻ khó khăn" từ ngành ngân hàng, chứ không phải tăng mở rộng tiền tệ hay tín dụng vào nền kinh tế. Cho phép các tổ chức tín dụng được cơ cấu lại thời hạn trả nợ nhưng giữ nguyên nhóm nợ đối với các doanh nghiệp tốt, có tiềm năng nhưng bị ảnh hưởng trực tiếp của dịch COVID-19.

Giải pháp 2. Bổ sung thêm danh mục thứ 6 về các đối tượng được hưởng ưu tiên về lãi suất trần trong điều 13, khoản 2, Thông tư 39/2016/TT-NHNN về Quy định hoạt động cho vay của TCTD: "Phục vụ lĩnh vực bị ảnh hưởng trực tiếp của đại dịch hoặc biến đổi khí hậu"

Giải pháp được xuất phát từ các lý do cơ bản sau: (i) Xu hướng dịch bệnh và biến đổi khí hậu ngày càng mang tính chất quốc tế. Độ mở của nền kinh tế Việt Nam cũng khiến cho đại dịch trên thế giới như COVID-19 dễ dàng lan đến Việt Nam và ảnh hưởng nghiêm trọng tới các doanh nghiệp, cá nhân, tổ chức trong nền kinh tế; (ii) Hiện tại, 5 lĩnh vực ưu tiên của Việt Nam chưa có nội dung hỗ trợ các doanh nghiệp, tổ chức nằm trong lĩnh vực này. (iii) Lãi suất trần có hiệu quả ngắn hạn và tác động trực tiếp nhất định trong một số trường hợp tại Việt Nam. Đây là một trong những công cụ tác động trực tiếp tới thị trường tín dụng, nhưng cũng cho phép các tổ chức tín dụng có sự linh hoạt nhất định và vai trò chủ động khi áp dụng quy định này.

Giải pháp 3. NHNN tăng cường các biện pháp ổn định tỷ giá hối đoái trong ngắn hạn

Thứ nhất, cung cấp thanh khoản quốc tế trong phạm vi cho phép về nguồn lực trên thị trường ngoại hối nội địa, nhằm mục tiêu ổn định tài chính.

Thứ hai, sử dụng quyền tiếp cận đối với các nguồn vốn quốc tế để gia tăng dự trữ ngoại hối quốc gia, nhằm mục cung cấp vốn xử lý đình trệ và hướng tới thúc đẩy tăng trưởng sau dịch bệnh.

Thứ ba, với kịch bản xấu hơn của nền kinh tế, đình trệ kéo dài từ 2 quý trở lên có thể: i) tính toán đến phương án phát hành trái phiếu của ngân hàng trung ương để hỗ trợ thanh khoản nội địa và quốc tế của Việt Nam, ii) lên kịch bản cho nền kinh tế vĩ mô nếu mất giá của đồng tiền rơi vào 3 mức 1-3%, 3-5%, và 5-7% để có các phương án thích hợp với chính sách tiền tệ của mình, và cực đoan nhất iii) chuẩn bị phương án "ngắt mạch" thị trường ngoại hối, cụ thể là sử dụng biện pháp hành chính liên quan đến các giao dịch vãng lai để chỉ cung cấp dịch vụ ngoại hối cho các hoạt động liên quan đến y tế, kinh doanh.

Giải pháp 4. Các TCTD tận dụng cơ hội để phát triển thị trường, sản phẩm, kênh phân phối mới

Thứ nhất, phát triển ngay các gói sản phẩm ngân hàng chuyên biệt cho nhóm khách hàng là doanh nghiệp trong các ngành đang có các lợi thế kinh doanh tương đối trong đại dịch COVID-19 như: kinh doanh online, thực phẩm, đồ dùng thiết yếu, khẩu trang, nước rửa tay, máy đo thân nhiệt. Cung cấp một gói các sản phẩm cho nhóm khách hàng này như: tín dụng hạn mức, L/C, thanh toán cho nhân viên, mở các kênh thanh toán cho khách hàng, bảo hiểm cho doanh nghiệp, bảo hiểm cho cán bộ công nhân viên của doanh nghiệp đó, quản lý hộ tiền,…

Thứ hai, phát triển các sản phẩm tín dụng ngắn hạn chuyên biệt hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa chịu tác động của COVID-19 như tài trợ hàng tồn kho, cho vay hỗ trợ xuất khẩu nhanh. Cung cấp cho doanh nghiệp nhỏ và vừa đạt được doanh số tiêu thụ thông qua hoạt động hỗ trợ xuất khẩu, đồng thời hỗ trợ điều tiết thị trường thông qua kênh phân phối trong nước. Các doanh nghiệp có thể đăng ký hạn mức tín dụng hoặc kỳ hạn trước khi hoàn tất việc bán hàng xuất khẩu hoặc trong khi theo đuổi các cơ hội ở nước ngoài, chẳng hạn như xác định một khách hàng mới ở nước ngoài nếu việc bán hàng xuất khẩu bị mất do COVID-19.

Thứ ba, tăng cường phát triển thanh toán internet banking và mobile banking, đảm bảo an toàn cho các giao dịch này. Trước mắt, tăng cầu thanh toán bằng giảm phí hoặc miễn phí với các khách hàng hiện tại. Hướng dẫn cách sử dụng trên trang web hoặc qua tin nhắn cho khách hàng.

Thứ tư, tăng cường phát triển cho vay tiêu dùng với khách hàng cá nhân để kích cầu nền kinh tế. Cầu tiêu dùng của khách hàng cá nhân tăng là nguồn gốc cho sự phát triển sản xuất kinh doanh bền vững, phá vỡ được vòng luẩn quẩn của suy thoái kinh tế.

Thứ năm, quan tâm phát triển mảng thị trường khách hàng thu nhập thấp. Đây là thị phần khách hàng rất tiềm năng ở Việt Nam, trong điều kiện 69% dân số còn chưa có tài khoản thanh toán trong ngân hàng nhưng lại có số thuê bao di động và sử dụng internet lớn.

Thứ sáu, kiểm định lại tính hiệu quả của các chính sách đã xây dựng về quản trị rủi ro, trong đó có rủi ro hoạt động. Đây là cơ hội tốt để các tổ chức tín dụng đánh giá quy trình hoạt động và hệ thống nhân sự hiện tại có vận hành hiệu quả không, có chỗ nào có thể điều chỉnh để tối ưu hóa hơn không. Các tổ chức tín dụng cũng xác định được ai là nhân sự tốt, nhân sự nào có thể cắt giảm, từ đó tối ưu hóa được chi phí hoạt động. Ngoài ra, dịch bệnh còn là thời cơ giúp ban lãnh đạo nhìn nhận lại các chính sách đối phó với các loại rủi ro, chủ động điều chỉnh hoặc xây dựng lại các kịch bản có thể gặp phải, từ đó hình thành các phương án đối phó hiệu quả hơn

Thứ bảy, thử nghiệm sử dụng xác thực điện tử (e-KYC) trong giao dịch để khách hàng không phải đến phòng giao dịch hay chi nhánh trực tiếp.

Giải pháp 5. Các TCTD cần thống nhất và thông báo tới các doanh nghiệp "chuẩn chung" cho công cuộc "giải cứu" nếu không muốn bị lạm dụng và dòng vốn đi sai mục tiêu ban đầu

Các tổ chức tín dụng cần công bố cụ thể và minh bạch các tiêu chí, quy trình hỗ trợ để doanh nghiệp và thị trường cùng nắm bắt được. Sự hỗ trợ từ phía ngân hàng chia làm 2 phương án. Phương án thứ nhất là gói cho vay (gói hỗ trợ 250.000 tỉ đồng mà các ngân hàng cam kết giải ngân và các gói khác nếu có) để hỗ trợ thanh khoản cho các doanh nghiệp "sống sót" qua mùa dịch. Phương án thứ hai là "tân trang" các khoản nợ có nguy cơ "xấu" bởi COVID-19, để doanh nghiệp có thêm thời gian phục hồi, chẳng hạn như cơ cấu thời hạn trả nợ, giảm lãi, phí hay giữ nguyên nhóm nợ.

2.2. Nhóm giải pháp của Bộ Tài chính

Giải pháp 6. Giảm, miễn một số loại thuế (thu nhập doanh nghiệp, giá trị gia tăng, thu nhập cá nhân) với quy mô hợp lý, đẩy mạnh xúc tiến triển khai dịch vụ thuế điện tử eTax

*Thứ nhất***,** giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2020 với doanh nghiệp vừa và nhỏ. Trường hợp doanh nghiệp đang trong thời gian được hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp thì số thuế được giảm 50% tính trên số thuế còn lại sau khi đã trừ đi số thuế được ưu đãi theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp. Kéo dài thời gian chuyển lỗ từ 5 lên 8 năm, giãn thời gian nộp quyết toán thuế đến 30/6/2020. Các cá nhân và doanh nghiệp chung tay đóng góp ủng hộ từ thiện (bằng tiền và hiện vật) nhằm chống dịch COVID-19 cho các tổ chức, đơn vị được nhà nước cho phép nhận từ thiện (theo quy định của Nghị định 64/2008/NĐ-CP) hoặc cho các bệnh viện (có chứng nhận của bệnh viện) sẽ được khấu trừ vào thu nhập tính thuế

thu nhập cá nhân, thu nhập doanh nghiệp. Với những doanh nghiệp trực tiếp tham gia sản xuất đồ bảo hộ (găng tay, quần áo bảo hộ), trang thiết bị phòng chống dịch COVID-19 nên cho phép doanh nghiệp được khấu trừ toàn bộ chi phí tài sản cố định (phát sinh khi mở rộng quy mô sản xuất) vào chi phí hợp lý để giảm trừ thuế thu nhập doanh nghiệp.

Thứ hai, giảm 50% thuế suất thuế giá trị gia tăng cho các hàng hóa dịch vụ gặp khó khăn, giãn nộp thuế giá trị gia tăng trong 6 tháng, xem xét hoàn ngay thuế giá trị gia tăng đầu vào cho doanh nghiệp xuất khẩu trong 3 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ. Với dự án đầu tư thuộc diện kiểm tra trước hoàn thuế sau, rút ngắn thời gian xét hoàn từ 40 ngày xuống 20 ngày,… Doanh nghiệp sản xuất trang thiết bị phòng chống dịch được hoàn 100% thuế giá trị gia tăng đầu vào.

Thứ ba, miễn và giãn nộp thuế với một số trường hợp cụ thể, miễn thuế thu nhập cá nhân với các khoản thu nhập, trợ cấp và tiền thưởng được trả cho những người làm việc trên tuyến đầu chống đại dịch. Giãn thuế thu nhập cá nhân phải nộp chuyển tới thời kỳ cuối năm 2020. Miễn thuế nhập khẩu các hàng hóa nhập khẩu để phục vụ chống dịch hoặc nguyên liệu đầu vào để sản xuất hàng hóa giúp phòng ngừa và kiểm soát COVID-19. Giãn tiền thuê đất doanh nghiệp phải nộp trong 6 tháng để doanh nghiệp dồn lực khắc phục những vấn đề do dịch bệnh tác động.

Thứ tư, đẩy mạnh xúc tiến triển khai dịch vụ thuế điện tử eTax. Tổng Cục thuế thay vì triển khai eTax cho 18 Tỉnh thành phố còn lại vào tháng 11 như dự kiến sẽ chuyển sang thực hiện ngay trong tháng 6/2020.

Giải pháp 7. Phối hợp với Bộ KHĐT có kế hoạch giải ngân chi tiết cụ thể các dự án, chương trình lớn; Ban hành tiêu chí, định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước, nâng cao hiệu quả quản lý và sử dụng vốn đầu tư công; có thể hoãn một số chương trình đầu tư chưa quan trọng; nâng hạn mức gói thầu được cho phép chỉ định thầu. Đẩy mạnh triển khai việc đấu thầu qua mạng.

Thứ nhất, có kế hoạch giải ngân chi tiết cụ thể các dự án lớn, quan trọng, chương trình mục tiêu quốc gia, dự án sử dụng vốn ODA và vay ưu đãi nước ngoài. Đối với các dự án, công trình sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước: cho phép tiếp tục giải ngân số vốn còn lại của năm 2019 đến hết tháng 6 năm 2020. Đối với các dự án, công trình quan trọng, cấp bách nhưng chưa bố trí được nguồn vốn thì các Bộ, ngành và địa phương chỉ đạo các chủ đầu tư khẩn trương hoàn thành các thủ tục đầu tư và chủ động làm việc với Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính để xử lý nguồn vốn, kể cả việc tạm ứng từ ngân sách nhà nước để thực hiện. Tạm hoãn thu hồi các khoản vốn ngân sách nhà nước đã ứng trước kế hoạch 2020. Cho phép tiếp tục giải ngân số vốn trái phiếu Chính phủ còn lại của năm 2019 trong năm 2020. Cho phép điều chỉnh tổng mức đầu

tư với các dự án sử dụng nguồn trái phiếu Chính phủ đã có trong danh mục được Ủy ban Thường vụ Quốc hội và Thủ tướng Chính phủ giao.

Thứ hai, ban hành tiêu chí, định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước, nâng cao hiệu quả quản lý và sử dụng vốn đầu tư công. Chính phủ cần tham khảo tiêu chí đánh giá hiệu quả quản lý đầu tư công của quỹ tiền tệ quốc tế để có những giải pháp phù hợp.

Thứ ba, tạm hoãn các khoản đầu tư công chưa cấp bách, ví dụ như sân bay Long Thành được đề cập trong Chỉ thị 11. Thực tế, việc đầu tư sân bay là cần thiết, tuy nhiên trong thời gian này nên chuyển các nguồn vốn này sang hỗ trợ các doanh nghiệp. Sau khi nền kinh tế hồi phục sẽ tiếp tục thực hiện đầu tư.

Thứ tư, cho phép nâng hạn mức được áp dụng chỉ định thầu. Hiện nay theo Điều 54 Nghị định 63-2014-NĐ/CP, hạn mức gói thầu được áp dụng chỉ định thầu chỉ là không quá 500 triệu đồng với gói thầu cung cấp dịch vụ tư vấn, dịch vụ phi tư vấn, dịch vụ công; không quá 1 tỷ đồng với gói thầu mua sắm hàng hóa, xây lắp hỗn hợp,… Nếu có thể nâng hạn mức này lên thì đối tượng được chỉ định thầu mở rộng hơn, giải ngân vốn đầu tư nhanh hơn.

Thứ năm, đẩy mạnh triển khai việc đấu thầu qua mạng, giảm chi phí hành chính và tăng sự tham gia của các đơn vị trong và ngoài nước có đủ năng lực tham gia đấu thầu công khai rộng rãi.

2.3. Nhóm giải pháp hỗ trợ BHXH cho doanh nghiệp và an sinh xã hội

Giải pháp 8. Hỗ trợ về bảo hiểm xã hội cho nhóm các doanh nghiệp chịu ảnh hưởng bởi đại dịch COVID-19

Thứ nhất, miễn phí bảo hiểm xã hội cho các chế độ hưu trí, tử tuất quý 1 và 2 năm 2020, cho các doanh nghiệp chịu ảnh hưởng nghiêm trọng và ngay lập tức như: Hàng không, Du lịch, Khách sạn, Giáo dục (khu vực tư),… Các nhóm doanh nghiệp này suy giảm nặng nề thậm chí đóng cửa do tác động của dịch bệnh, việc phục hồi không thể một sớm một chiều kể cả khi dịch bệnh được đẩy lùi. Trên thực tế Nhà nước đã có chính sách miễn giảm phí Bảo hiểm xã hội hưu trí, tử tuất rất kịp thời cho các doanh nghiệp. Tuy nhiên, đề nghị cơ quan thuế, cơ quan quản lý nhà nước đối với các nhóm doanh nghiệp/ngành nghề nêu trên có sự xem xét kịp thời và theo sát thực tế, không để doanh nghiệp gặp khó trong quá trình triển khai chính sách.

Thứ hai, giãn thời gian đóng bảo hiểm xã hội cho những ngành mà sản xuất bị trì trệ, như một số nhà máy dệt may, da giày, sản xuất đồ gỗ,… do lượng công nhân từ các vùng dịch không tiếp tục làm việc.

Thứ ba, miễn đóng bảo hiểm thất nghiệp cho những doanh nghiệp bị xếp hạng trong nhóm gặp khó khăn do tình hình dịch bệnh kéo dài.

Thứ tư, tiền lương của người lao động bị cách ly sẽ do bảo hiểm xã hội chi trả. Một số lao động của các doanh nghiệp sản xuất bị yêu cầu phải cách ly tại nhà, trong khoảng thời gian này các doanh nghiệp vẫn phải trả lương mặc dù người lao động không đi làm.

Giải pháp 9. Hỗ trợ trực tiếp của chính phủ đối với lao động bị ảnh hưởng bởi COVID-19

Thứ nhất, xem xét giải quyết chế độ trợ cấp thất nghiệp cho người lao động nhanh chóng, kịp thời để họ ổn định cuộc sống khi bị mất việc do tác động của dịch bệnh COVID-19, thậm chí hưởng chế độ trợ cấp thất nghiệp đặc biệt mà không cần chấm dứt hợp đồng lao động. Nếu dịch bệnh vẫn tiếp tục kéo dài, nên cân nhắc kéo dài thời gian hưởng trợ cấp thất nghiệp.

Đối với các doanh nghiệp dịch vụ, khó khăn hiện tại không hoàn toàn do thị trường cũng như các yếu tố quản trị của doanh nghiệp. Ví dụ các trường tư phải ngừng hoạt động 100% do yêu cầu của chính quyền nhằm phòng tránh dịch bệnh. Tất cả giáo viên phải nghỉ không lương do không có nguồn thu. Họ gặp khó khăn khi tìm kiếm công việc khác cùng chuyên môn do tất cả các trường đều phải đóng cửa theo quy định. Khi làm thủ tục bảo hiểm thất nghiệp, các giáo viên cũng cần có các giấy tờ như quyết định chấm dứt hợp đồng lao động. Nếu sau này quay trở lại đóng bảo hiểm ở cơ sở giáo dục tư thục cũ cũng phát sinh bất cập.

Thứ hai, những người lao động có hợp đồng lao động, tham gia đóng bảo hiểm thất nghiệp nhưng chưa đủ 12 tháng (theo thời gian quy định tại điều 43 Luật Việc làm) (đóng bảo hiểm thất nghiệp được từ 6 tháng đến dưới 12 tháng), do điều kiện bất khả kháng của dịch bệnh COVID-19 phải dừng công việc, cũng sẽ được hưởng 60% mức bình quân tiền lương tháng đóng bảo hiểm thất nghiệp của 06 tháng liền kề trước khi thất nghiệp. Tương tự, thời gian hưởng trợ cấp thất nghiệp tối thiểu là 03 tháng.

Thứ ba, toàn bộ lao động theo điều 43 Luật Việc làm dù chưa đủ thời gian đóng bảo hiểm thất nghiệp tối thiểu 9 tháng, đều được hưởng chế độ hỗ trợ học nghề theo Điều 55 và 56.

Thứ tư, với lao động tại khu vực phi chính thức không thuộc diện bao phủ của bảo hiểm cũng như lưới an sinh xã hội chưa tới họ, cần có chính sách hỗ trợ đặc biệt. Đây là đối tượng bị ảnh hưởng với quy mô lớn, ngay lập tức và tổn thương nhất trong bối cảnh dịch bệnh hiện nay.

Thứ năm, trung tâm dịch vụ việc làm đối với người lao động ở các đô thị, thành phố cần tăng cường năng lực hỗ trợ trực tuyến về cung cấp thông tin việc làm đối với những đối tượng lao động thiếu việc làm và có nhu cầu. Việc duy trì liên lạc với các doanh nghiệp để có được thông tin cập nhật về nhu cầu tuyển dụng số lượng lao động rồi thông báo, tư vấn cho đối tượng

khách hàng của trung tâm dựa trên nền tảng công nghệ 4.0 là phù hợp trong giai đoạn hiện tại và là xu hướng của tương lai.

2.4. Nhóm giải pháp từ các doanh nghiệp

Giải pháp 10: Tái cơ cấu doanh nghiệp theo hướng giảm đầu mối, tăng hiệu quả, cập nhật công nghệ, cơ cấu và đào tạo lại nhân lực

Thứ nhất, cần tập trung vào chất lượng tăng trưởng và năng suất, các hoạt động chưa cần thiết hay chưa hiệu quả nên cắt giảm và dồn nguồn lực vào các mặt hàng, sản phẩm có thế mạnh, hiệu quả. Rà soát các khoản chi và hoạch định lại vốn và nguồn vốn. Tính toán chặt chẽ các ngưỡng chi phí cố định, biến đổi, chi phí vận hành… Xác định ngưỡng đóng cửa hàng nếu cần thiết. Chủ động điều chỉnh lại dây chuyền sản xuất kinh doanh, cho phép một bộ phận cán bộ, nhân viên đủ điều kiện được làm việc từ xa, tại nhà, không phải đến cơ quan, nhất là lĩnh vực môi giới, tiếp thị, pháp chế, công nghệ thông tin…

Thứ hai, tái cấu trúc doanh nghiệp theo hướng tinh gọn, hiệu quả, tái cơ cấu đầu tư, cơ cấu lại sản phẩm chủ lực, coi trọng phát triển sản phẩm nhà ở vừa túi tiền, nhà ở xã hội, đáp ứng nhu cầu thực của đông đảo người tiêu dùng. Thực hiện các phương thức hỗ trợ đối tác thuê mặt bằng, như giảm giá cho thuê mặt bằng, giãn tiến độ trả tiền thuê, miễn tiền thuê trong một thời gian.

Thứ ba, cập nhật các phần mềm quản trị như các phần mềm quản lý cửa hàng, kế toán, nhân lực… trang bị các camera và máy bán hàng, có mã số mã vạch sẽ giảm nhiều chi phí nhân lực làm các công việc giản đơn.

Thứ tư, thay thế các sự kiện bán hàng theo kiểu truyền thống bằng các giải pháp công nghệ để khách hàng dễ dàng tiếp cận thông tin. Cập nhật các kỹ thuật bán hàng và tiếp thị qua mạng, gia tăng khách hàng và tăng chất lượng dịch vụ. Tăng cường hoạt động marketing hỗn hợp, kết hợp bán hàng qua mạng trực tuyến, thương mại điện tử và kinh doanh số.

Thứ năm, rà soát nguồn nhân lực, đào tạo lại nhân lực theo hướng chuyên nghiệp, phát triển đa dạng kỹ năng bán hàng, tiếp thị, quản trị… Tập trung vào đổi mới sáng tạo của lực lượng lao động hơn là số lượng lao động.

Giải pháp 11: Phát triển các nguồn nguyên vật liệu trong nước, tìm và thay thế các nguồn nhập khẩu, phát triển các nguồn nguyên liệu và liên kết sâu với các nhà cung ứng nội địa.

Thứ nhất, một số loại vật liệu Việt Nam có lợi thế như cao su, gạo… cần phải duy trì nguồn cung ổn định. Đảm bảo có doanh nghiệp lớn, đầu đàn thu gom dự trữ dựa theo gói hỗ trợ của Chính Phủ.

Trong giai đoạn đại dịch COVID-19, chuỗi giá trị toàn cầu mà Việt Nam tham gia bị đứt gẫy khi các thị trường xuất khẩu như Mỹ, Châu Âu, Nhật Bản đang dừng các đơn hàng, các quốc gia cung ứng như Trung Quốc và Hàn Quốc mới bắt đầu khôi phục sản xuất nên việc xuất khẩu các mặt hàng này của Việt Nam cũng có những khó khăn nhất định. Để duy trì lợi thế cạnh tranh thực cần phải có các quỹ hỗ trợ thu mua hoặc hỗ trợ xuất khẩu giúp đảm bảo nguồn cung phát triển ổn định, vừa đảm bảo an ninh lương thực, vừa giúp cho lợi thế cạnh tranh của Việt Nam được duy trì bền vững.

Thứ hai, các doanh nghiệp cần nghiên cứu và phát triển các loại nghiên liệu mới thay thế nhựa, nhiên liệu hóa thạch… bằng các nguyên liệu tự nhiên, năng lượng tái tạo. Hiện tại xu hướng phát triển các loại nguyên liệu tự nhiên có xen-lu-lô như gạo, sắn, ngô… có thể thay thế một số bao bì nhựa, ống hút… Việt Nam rất sẵn các nguồn nguyên liệu có xen-lu-lô này nên cần tạo điều kiện cho các doanh nghiệp nghiên cứu và phát triển loại nguyên loại này. Đối với nguyên liệu xây dựng hoặc dân dụng như cát, đất, gạch… ngày càng cạn kiệt có thể nghiên cứu các vật liệu xỉ, tro, bụi … thay thế. Các nguyên vật liệu cho ngành dệt may cũng cần có hỗ trợ phát triển thay thế các vật liệu có độ bền hơn hoặc gia tăng tính diệt khuẩn có thể tăng cường vật liệu nano, vừa giảm trọng lượng vật liệu, vừa giảm tỷ trọng sử dụng…

Thứ ba, lập các quỹ đầu tư mạo hiểm tăng cường nghiên cứu đổi mới, sáng tạo vật liệu mới, khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia các cuộc thi nghiên cứu và ứng dụng vật liệu mới nhằm tạo ra trào lưu đi đầu về ứng dụng nguyên vật liệu trong sản xuất và kinh doanh.